



BỘ SỬ *[Đại]* VIỆT SỬ LƯỢC LÀ BỘ SỬ CỦA HAI TRIỀU ĐÌNH HẬU LÝ SƠ (1010 - 1127) VÀ HẬU LÝ MẠT (1127 - 1225)

TS Alexey B. Polyakov*

Trong bản báo cáo này tôi sẽ nói về những vấn đề liên quan đến việc nghiên cứu bộ sử khuyết danh *[Đại]* Việt sử lược. Cho đến nay các nhà sử học Việt Nam và nước ngoài chưa có ý kiến chung về vấn đề tác giả và thời điểm xuất hiện của bộ sử này.

Bộ sử này giống như các tài liệu lịch sử Việt Nam thời trung cổ đã được viết bằng chữ Hán cổ. Đến nay người ta đã hoàn thành hai bản dịch ra tiếng Việt của bộ sử này. Cả hai bản dịch đều có bài tựa tóm tắt và chú thích nhưng chưa có ai nghiên cứu toàn bộ văn bản bộ sử này.

Bản dịch thứ nhất của nhà sử học Việt Nam Trần Quốc Vượng đã được xuất bản tại Hà Nội năm 1960. Ông đưa ra giả thuyết rằng bộ sử này đã được viết vào cuối đời Trần, sau 1377 năm. Ngoài ra, Trần Quốc Vượng còn cho rằng tác giả của *[Đại]* Việt sử lược tóm tắt bộ sử *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu (1272 năm).

Bản dịch thứ hai do nhà nghiên cứu Việt Nam Nguyễn Gia Tường thực hiện vào năm 1972 và được xuất bản năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong bài tựa của bản dịch thứ hai, GS Trần Ngọc Thêm trình bày những giả thuyết của các nhà sử học, trong đó có giả thuyết của tác giả bản báo cáo này. Về vấn đề tác giả và thời điểm xuất hiện của bộ sử này, ông phản ánh giả thuyết của tôi nói chung là đúng, nhưng tôi không liên hệ trực tiếp *[Đại]* Việt sử lược với tác phẩm của Lê Văn Hưu bởi vì chưa có chứng minh đầy đủ về liên hệ đó.

* Trung tâm Việt Nam học, Học Viện Á - Phi, Đại học Moskva.

Trần Ngọc Thêm, khác với Trần Quốc Vượng, không nêu ý kiến của mình về vấn đề này khi: “Tôn trọng các ý kiến khác nhau chưa có điều kiện kiểm chứng, chúng tôi vẫn tạm tiếp tục coi [Đại] Việt sử lược là tác phẩm khuyết danh”¹. Tuy nhiên, tác giả cũng đồng ý rằng [Đại] Việt sử lược xưa hơn Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu².

Trong bản báo cáo này tôi sẽ không nói kỹ đến những giả thuyết của các nhà sử học Việt Nam và nước ngoài về vấn đề tác giả và thời gian viết bộ sử này. GS Phan Huy Lê trong bài *Đại Việt sử ký toàn thư: Tác giả - Văn bản - Tác phẩm*³ và trong bài tựa cho lần xuất bản, bản dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên⁴ đã được viết rất tỷ mỉ và một cách có hệ thống về các giả thuyết ấy.

Trong bài viết và lời tựa nói trên, tác giả đã rút ra kết luận như sau: “Tất cả những chủ trương thuộc hai khuynh hướng trên đây [về vấn đề tác giả và thời gian viết *Đại Việt sử lược* - A.P.] đều là những giả thuyết khoa học đáng lưu ý, nhưng trong tình trạng sử liệu hiện nay, thì chưa thể coi đó là những kết luận khoa học có đủ sức thuyết phục”⁵. Tuy nhiên, ông chưa nêu ra ý kiến của mình về vấn đề này và không nói gì về “sử liệu hiện nay”. Chắc là Phan Huy Lê đồng ý với Trần Bá Chí năm 1979 đã viết trong bài *Sử Hy Nhan và Sử Đức Huy - Hai nhân vật lịch sử thời Trần* trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* về tác giả *Đại Việt sử lược*. Trong bài tựa, GS Phan Huy Lê cũng viết: “Gần đây, Trần Bá Chí dựa vào *Quan du tạp lục* của Nguyễn Hoàng Nghĩa, chứng minh tác giả *Việt sử lược* là Sử Hy Nhan. Theo những tư liệu mới do tác giả thu thập, thì Sử Hy Nhan người làng Ngọc Sơn, nay thuộc xã Đức Thuận, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ Trạng nguyên năm Quý Mão (1363), viết *Việt sử lược* vào đời Trần Duệ Tông (1373 - 1377). Ông vốn họ Trần, nhưng giỏi sử nên được vua Trần đổi sang họ Sử”⁶. Nguyễn Hoàng Nghĩa viết về tác giả *Việt sử lược* dựa vào tác phẩm nào đó *Sử công di tập*. Ông ấy chỉ cho tên sách *Việt sử lược* mà không mô tả quyển sách này. Vì thế cho nên ta không thể nói chắc chắn rằng sách này đúng là bộ sử [Đại] Việt sử lược mà tôi nghiên cứu ở đây.

Trong giới sử học Việt Nam không ai bác bỏ ý kiến của Trần Bá Chí. Nhưng gần đây, một nhóm biên soạn *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919* do Ngô Đức Thọ chủ biên trong chương viết về nhà khoa bảng Trần Chu Phổ rằng: “Tác phẩm [của Trần Chu Phổ] có bộ *Việt chí* 越志, tức *Đại Việt sử lược* 大越史略”⁷. Còn trong chương về Nguyễn Hoàng Nghĩa nhóm biên soạn không cho rằng ông ấy viết *Quan du tạp lục*⁸. Tên họ của Sử Hy Nhan không có trong danh sách *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919*.

Tác phẩm của Lê Văn Hưu đã bị thất truyền và văn bản của bộ sử này không còn đến ngày nay. Trong khi đó, cũng chỉ còn có những lời bàn của Lê Văn Hưu trong bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sĩ Liên viết năm 1479. Trên thực tế, tác phẩm của Lê Văn Hưu là một trong những nguồn tư liệu cho Ngô Sĩ Liên. Trong

bài tựa sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, ông viết: “Đến đời Trần Thái Tông mới sai học sỹ Lê Văn Hưu soạn lại từ Triệu Vũ Đế trở xuống đến năm đầu Lý Chiêu Hoàng”⁹. Ta có thể thấy ở đây hai chữ “trùng tu” 重修 tức là “khôi phục lại”, “sửa chữa lại”. Ngô Sĩ Liên trong bài tựa của mình cũng đã viết: “Văn Hưu là đại thủ bút thời Trần, Phu Tiên là bậc cố lão của thánh triều ta, đều vâng chiếu biên soạn lịch sử của nước ta, tìm thêm các sách sử còn sót lại, gom hợp thành sách để cho người xem đời sau không có gì phải tiếc nữa là được”¹⁰. Bài tựa này cho phép đoán rằng trước tác phẩm của Lê Văn Hưu đã có khá nhiều sử liệu khác sớm hơn, có khả năng trong số sử liệu đó cũng có [Đại] *Việt sử lược*. Ngoài ra Lý Tế Xuyên trong tác phẩm *Việt điện u linh* đã viết về những sử liệu đã được viết sớm hơn. Trong những tác phẩm trên, ông trích *Sử ký* của nhà sử học Đỗ Thiện. Tuy nhiên, đến nay không có tin tức gì đáng tin cậy về nhân vật này. [Đại] *Việt sử lược* không nói đến người này. Ngô Sĩ Liên chép về nội nhân Đỗ Thiện vào năm 1127¹¹. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên rằng tên họ của người ấy không có trong danh sách các nhà khoa bảng Việt Nam bởi lẽ người ấy không phải là nhà nho.

Phương pháp khả thi cho việc nghiên cứu những vấn đề liên quan đến [Đại] *Việt sử lược*, theo tôi không phải chỉ là việc tìm kiếm tác giả, mà là sự phân tích văn bản của bộ sử này, phát hiện mục đích viết của nó và thời đại viết, so sánh văn bản với các sử liệu khác và tìm được những tư liệu mới về lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

Luận án của tôi đã tập trung việc nghiên cứu và dịch từ chữ Hán cổ ra tiếng Nga bộ sử [Đại] *Việt sử lược* (1976). Trên cơ sở đó, năm 1980, tôi đã viết quyển sách *Краткая история Вьетна (Вьетны люк)*¹².

[Đại] *Việt sử lược* là một bộ sử khuyết danh, không rõ thời gian được viết. Những sự kiện lịch sử trong quyển sách này khác với những sự kiện trong những bộ sử khác. Việc xác định thời gian sáng tạo ra bộ sử này sẽ cho phép giải quyết những vấn đề như sau: văn bản bộ sử này có phải là bản tóm tắt của các sử liệu khác không, các sự kiện lịch sử trong sách này có thật không, vị trí của nó đứng trong hàng các bộ sử trung nguyên khác, mục đích viết, khuynh hướng tôn giáo...

[Đại] *Việt sử lược* ở Đại Việt đã thất truyền. Người Trung Hoa đã đưa ra nó sang Trung Quốc trong thời gian thống trị Đại Việt hoặc sớm hơn - ngay sau năm 1377 (A.V. Nikitin, một học giả Nga đã viết bài về sự lưu thông của nó ở Trung Quốc¹³. Đến đời Càn Long (Cao Tông) nhà Thanh (1736 - 1795), bộ sử này mới được đưa vào bộ sưu tập quyển sách của hoàng đế này *Tứ khố toàn thư*. Theo lời tựa của Tiền Hi Tộ, người hiệu đính và in (khắc mộc bản) năm 1844 bộ sử này, “Sách này nguyên đề là *Đại Việt sử lược*, tức là lấy quốc hiệu làm tên sách”¹⁴. Người Hoa đã bỏ đi chữ “đại” 大 cũng như đã đổi chữ “đế” 帝 ra chữ “vương” 王 đối với các hoàng đế Đại Việt.

Một đặc điểm quan trọng của bộ sử này là nó không có chú thích - hiện tượng hiếm có trong sử liệu Việt Nam. Đặc điểm thứ hai là không có bài tựa và lời bàn của tác giả. Đặc điểm thứ ba là không có đối chiếu những sự kiện từng thời, riêng chỉ có những chỉ dẫn hành động của các hoàng đế Trung Quốc cổ.

Người đầu tiên viết về vấn đề bản quyền và thời gian viết bộ sử này là Tiền Hi Tộ. Ông đoán rằng sách này đã được viết vào đời Trần bởi vì trong nội dung cuốn sách, người ta đề cập đến việc đổi họ Lý ra họ Nguyễn. Ngoài ra Tiền Hi Tộ trích *An Nam chí lược* của Lê Trắc: “Trần Phổ làm sách *Việt chí*, Lê Hưu sửa sách *Việt chí*¹⁵... Vậy sách này hoặc do tự tay hai ông Phổ, Hưu, chưa có thể biết được”¹⁶. Cuối bộ sử có phụ lục một niên hiệu của những hoàng đế triều Trần. Đó là năm cuối cùng của niên hiệu này tức năm 1377. Tiền Hi Tộ không chú ý đến niên hiệu này như tiêu chuẩn thời gian viết [*Đại*] *Việt sử lược* nhưng chính phụ lục này đã có ảnh hưởng quyết định đến các nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài¹⁷. Các người ấy cho rằng bộ sử này đã được viết vào cuối đời Trần, sau năm 1377.

Nếu [*Đại*] *Việt sử lược* được viết sau năm 1377, thì có thể cho rằng *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu, đã được viết vào năm 1272, là một tác phẩm sớm hơn. Trên cơ sở đó, Trần Quốc Vượng kết luận như sau: “*Việt sử lược* là do một tác giả cuối đời Trần đã lược lại *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu, nên mới đặt nhan đề là *Đại Việt sử lược*”¹⁸. Những chứng cứ của Trần Quốc Vượng nói chung như sau: 1) Cả hai bộ sử này đều mô tả một giai đoạn lịch sử; 2) [*Đại*] *Việt sử lược* lược lại khá nhiều *Đại Việt sử ký*; 3) Cả hai bộ sử chép nhiều chỗ rất giống nhau.

Để chứng minh rằng [*Đại*] *Việt sử lược* xuất hiện sớm hơn *Đại Việt sử ký*, ta sẽ xem xét các dẫn chứng sau.

1. Hai bộ sử mô tả hai giai đoạn lịch sử khác nhau. Trong lời tựa của *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên viết: “Đến đời Trần Thái Tông mới sai học sỹ Lê Văn Hưu soạn lại từ Triệu Vũ Đế trở xuống đến năm đầu Lý Chiêu Hoàng”¹⁹. [*Đại*] *Việt sử lược* chép sự kiện lịch sử đến hết năm 1225. Theo Ngô Sĩ Liên, Lý Huệ Tông truyền ngôi cho con gái của mình tháng mười năm Giáp Thân, tức là năm 1224²⁰. Ông ấy viết thẳng: “[Lý Chiêu Hoàng] ở ngôi 2 năm [tức là 1224 - 1225] rồi nhường ngôi cho họ Trần.”²¹. Còn [*Đại*] *Việt sử lược* chép rằng Huệ Tông nhường ngôi tháng 6 năm Ất Dậu [1225]. Tức là nữ hoàng đế ở ngôi chỉ sáu tháng thôi nhưng theo Ngô Sĩ Liên thì hơn một năm. Ngoài ra [*Đại*] *Việt sử lược* khác với Ngô Sĩ Liên là không tách sự cai trị của Lý Chiêu Hoàng thành một chương riêng. Sự khác nhau này rất quan trọng vì nó chứng minh rất rõ về việc nhà Trần tiếm quyền của nhà Lý. Một điều đáng lưu ý là nếu [*Đại*] *Việt sử lược* có 8 chương về 8 hoàng đế, thì *Đại Việt sử ký toàn thư* lại có 9 chương về 9 hoàng đế.

Còn về chỗ khởi đầu giai đoạn chép sử trong hai bộ sử thì nó cũng hơi khác nhau. Trong *Đại việt sử ký*, Lê Văn Hưu bắt đầu từ Triệu Vũ Đế nhưng *[Đại] Việt sử lược* bắt đầu từ “những sự kiện trong nước buổi đầu”, sau đó chép về Triệu Vũ Đế và không viết tý mỷ về triều Hùng Vương. Đó là đặc trưng của các sử liệu Việt Nam thế kỷ XIII - XIV. Chỉ vào nửa sau thế kỷ XIV, nhà sử học và nhà thơ Hồ Tông Thốc trong tác phẩm *Việt Nam thế chí*, hiện nay không còn, lần đầu tiên viết gia phả triều đình Hùng Vương (2879 - 258 tr.CN). *[Đại] Việt sử lược* là một sử liệu duy nhất cho rằng buổi đầu thời đại Hùng Vương là thế kỷ VII tr.CN. Điều đó chắc là đúng hơn bởi vì thế kỷ VII vào thời đại văn hoá Đông Sơn.

2. Về khối lượng của *[Đại] Việt sử lược* thì sách này gồm 3 quyển song khối lượng của các quyển trong các bộ sử không bằng nhau. Thí dụ *An Nam chí lược* của Lê Trắc gồm 20 quyển nhưng về số chữ nó lớn hơn gấp một lần rưỡi *[Đại] Việt sử lược* thôi. Bên cạnh đó, giữa các quyển của một bộ sử không bằng nhau. Vì thế, cho nên 30 quyển của *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu không cho phép khẳng định rằng khối lượng của nó rất lớn. Thông tin về khối lượng tác phẩm của Lê Văn Hưu chúng ta có thể đọc trong bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên - là người đầu tiên viết rằng nó “gồm 30 quyển”²². Không ai có thể kiểm tra lại thông tin này bởi vì ngay sau khi Ngô Sĩ Liên sử dụng sách này trong bộ sử của mình thì nó đã bị mất và thất truyền. Nhà sử học Nhật Bản Yamamoto Tatsuro nêu lên nghi vấn về con số 30 quyển của *Đại Việt sử ký*²³. GS Phan Huy Lê không đồng ý với ông ấy vì: “các thư tịch cổ của ta đều chép bộ *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu gồm 30 quyển [trích theo *Đại Việt sử ký tiền biên* của Ngô Thì Sĩ], *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn và *Văn tịch chí* của Phan Huy Chú cũng chép thống nhất: “*Đại Việt sử ký*: 30 quyển. Ý kiến Yamamoto Tatsuro chỉ là một nghi vấn tham khảo, không thể phủ nhận được những ghi chép thống nhất trong thư tịch Việt Nam.”²⁴. Tuy nhiên, tất cả các thư tịch cổ Việt Nam mà GS Phan Huy Lê coi như minh chứng đáng tin cậy đã được viết sau *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV). Ngô Thì Sĩ (thế kỷ XVIII), Lê Quý Đôn (thế kỷ XVIII), Phan Huy Chú (thế kỷ XIX), vì thế, lại càng không thể có văn bản của Lê Văn Hưu và do đó buộc phải tin vào những ghi chép của Ngô Sĩ Liên. Hoàn toàn chưa tìm thấy một sử liệu nào viết trước ông cho rằng *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển.

Có thể nói vài lời về một đặc tính của hoạt động khoa học Ngô Sĩ Liên, tức là việc thất truyền các sử liệu được ông sử dụng khi viết quyển sách của mình. *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên không bị người nhà Minh đưa sang Trung Quốc. Nó lưu lại tại Việt Nam đến đời Ngô Sĩ Liên và đã bị thất truyền ngay sau khi ông sử dụng hai tác phẩm này. Trong những năm đầu đời Lê Thánh Tông (1460 - 1469), Quốc sử viện triều Lê đã biên soạn xong một bộ sử, chứa ở Đông Các. Ngô Sĩ Liên có tham gia công trình biên soạn này, nhưng nửa chừng phải về chịu tang gia đình. Không rõ ai chủ trì bộ sử này và vì sao không được vua Lê công nhận như một bộ quốc sử và cho ban hành. Cho đến nay, bộ sử đó

không để lại một dấu vết nào trong kho tàng thư tịch Việt Nam²⁵. Đến năm 1479, Ngô Sĩ Liên biên soạn xong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Chúng ta có thể đoán rằng Ngô Sĩ Liên đã sử dụng và tiêu huỷ các bộ sử đã được viết trước *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bộ sử của Ngô Sĩ Liên trở thành bộ sử duy nhất và đáng tin cậy nhất về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XV cho những thế hệ mai sau. [*Đại*] *Việt sử lược* và *An Nam chí lược* của Lê Trắc không bị rơi vào tay của Ngô Sĩ Liên vì thế cho nên nó được lưu truyền đến ngày nay. Ở Việt Nam, người ta mới có thể bắt đầu đọc [*Đại*] *Việt sử lược* chỉ vào thế kỷ XIX còn Lê Trắc ở Việt Nam được coi là kẻ phản quốc. Vì thế cho nên tất cả các bộ sử đã được viết sau Ngô Sĩ Liên chỉ dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư* thôi.

Bản thân chữ 略 “lược” (lược, chủ yếu) trong tên sách không có ý nó lược lại sử liệu khác. Thí dụ *An Nam chí lược* không lược lại sách sử nào đó khác. Chỉ quyển I của [*Đại*] *Việt sử lược* có thể coi là lược lại sử liệu Trung Quốc. Tiền Hi Tộ viết rằng “sách này từ đời Đường trở về trước, đại để là chép theo văn sử [tức là bộ sử Trung Hoa]”²⁶. Đáng chú ý rằng 3 quyển *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên chép về triều đình Lý về số chữ chỉ gấp hơn một lần rưỡi quyển II và III của [*Đại*] *Việt sử lược*. Và bộ sử của Ngô Sĩ Liên không ai cho là một tác phẩm tóm tắt. Khối lượng ghi chép các sự kiện thời Lý Cao Tông (1175 - 1210, Lý Huệ Tông (1210 - 1225) và Lý Chiêu Hoàng (1225) của [*Đại*] *Việt sử lược* nhiều hơn gấp hai lần *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhiều ghi chép của bộ sử này không có trong tác phẩm của Ngô Sĩ Liên. Tác giả cuối thế kỷ XIV có thể biết rất sâu về những sự kiện những năm 1210 - 1225 và “lược lại” tác phẩm của Lê Văn Hưu như thế nào? Có thể đoán rằng tác giả quyển III là người chứng kiến những sự kiện đó.

Cũng cần lưu ý rằng không có lời bàn của Lê Văn Hưu trong các chương về ba hoàng đế cuối cùng của nhà Lý trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Những lời bàn cuối cùng của Lê Văn Hưu chỉ tồn tại trong chương về Lý Anh Tông (1138 - 1175). Ngô Sĩ Liên cũng không trích Lê Văn Hưu trong chương về Hùng Vương, và người ta biết rằng *Đại Việt sử ký toàn thư* bắt đầu từ nhà Triệu. Như thế, có thể đoán rằng tư liệu về Cao Tông và Huệ Tông không phải nhiều lắm còn về Lý Chiêu Hoàng không có gì.

Như vậy, ta có thể thấy xu hướng suy giảm khối lượng tư liệu trong *Đại Việt sử ký* đến cuối thời nhà Lý còn trong [*Đại*] *Việt sử lược* nó tăng lên. Điều đó cũng chứng minh rằng bộ sử này có sớm hơn tác phẩm của Lê Văn Hưu và tất nhiên không thể lược lại *Đại Việt sử ký*.

3. Về những khác biệt trong hai bộ sử, như tôi đã nói trên, [*Đại*] *Việt sử lược* có tư liệu về Cao Tông, Huệ Tông và Chiêu Hoàng nhiều hơn các sử liệu khác.

Trong những sử liệu Việt Nam viết về thời Lý có tiên tri của nhà sư Vạn Hạnh - người phụ tá của Lý Thái Tổ. [Đại] Việt sử lược cho biết: “Trong hương vua ở có cây gạo bị sét đánh, để dấu vết thành chữ như sau:

*Rễ cây thăm thăm,
Vỏ cây xanh xanh,
Cây hoà đao rụng,
Mười tám hạt thành,
Phương Đông hiện nhật,
Non Đoài ẩn tinh,
Khoảng sáu bảy năm,
Thiên hạ Thái bình.*

Sư Vạn Hạnh bèn nói với vua rằng: “Gần đây, tôi thấy lời sấm lạ, biết rằng nhà Lê tất phải mất mà nhà Lý tất phải lên.”²⁷ Tiên tri này đã được thiên về phục vụ cho lợi ích của nhà Lý để chứng minh triều đình này lấy chính quyền theo mệnh Trời.

Trong *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên cũng có lời tiên tri của sư Vạn Hạnh. Nhà tiên tri này cho rằng triều đình Lý sẽ có 8 hoàng đế và tên của hoàng đế cuối cùng là Sảm²⁸. Thực ra, nếu không tính Lý Chiêu Hoàng ở ngôi 6 tháng thôi và không có chính quyền thì nhà Lý có 8 hoàng đế - đúng như [Đại] Việt sử lược viết. Phương án lời tiên tri này đã được phán ra vì lợi ích của triều đình Trần để biện bạch cho việc tiếm quyền năm 1225. Lý Tế Xuyên đã viết tác phẩm của mình vào năm 1329. Thế thì tiên tri bổ sung này đã được phán ra trước năm này. Nếu như [Đại] Việt sử lược đã được viết vào cuối thế kỷ XIV thì phương án lời tiên tri này phải có mặt trong bộ sử này. Văn bản của *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng có tiên tri nhưng đã được mở rộng thêm. Vạn Hạnh (thế kỷ XI) đã dự báo không chỉ nhà Trần ra đời mà còn sự xâm lược nhà Minh và việc giải phóng nhà nước do triều đình Lê²⁹. Ta có thể thấy rằng sử liệu càng xưa thì tiên tri càng ngắn hơn. Mỗi một thời đại có phương án tiên tri riêng và do đó với sự giúp đỡ tiên tri này có thể định thời gian xuất hiện sử liệu. [Đại] Việt sử lược có phương án tiên tri đơn giản và ngắn nhất thì có thể khẳng định rằng bộ sử ấy đã được viết trước năm 1329.

Sự phân tích văn bản [Đại] Việt sử lược chứng minh về tính chất không đồng nhất của nó. Nếu so sánh quyển II và quyển III của bộ sử này thì có thể thấy rõ điều đó.

Quyển II chép những sự kiện lịch sử từ đầu nhà Lý đến năm 1127 năm Hoàng đế Lý Nhân Tông đã qua đời. Quyển này có bốn chương, mỗi một chương dành cho một trong những hoàng đế. Trong các chương, các sự kiện lịch sử được

ghi chép theo từng năm. Ta có thể tính số chữ của một năm trung bình một chương. Một năm của chương về Lý Thái Tổ (1010 - 1028) có 78 chữ; chương về Lý Thái Tông (1028 - 1054) có 90 chữ; chương về Lý Thánh Tông (1054 - 1072) - 121 chữ; chương về Lý Nhân Tông - 170 chữ (số chữ chung trong chương này là lớn nhất trong quyển II bởi vì Nhân Tông cai trị suốt 55 năm). Khối lượng thông tin của các chương quyển II càng tăng lên từ đầu đến cuối quyển này.

Đến đầu quyển III khối lượng thông tin giảm xuống mạnh mẽ, và ta có thể xem sự tăng lên cũng khá mạnh từ đầu đến cuối quyển III. Một năm trong chương thứ nhất của quyển III về Lý Thần Tông (1127 - 1137) có 57 chữ; chương thứ hai về Lý Anh Tông (1137 - 1175) có 70 chữ; chương thứ ba về Lý Cao Tông (1175 - 1210) có 162 chữ; còn chương thứ tư về Lý Huệ Tông (1210 - 1224) và Lý Chiêu Hoàng (1225) có 403 chữ. Như vậy, có thể đi đến kết luận rằng quyển II và quyển III xét về mặt cơ cấu là hai tác phẩm khác nhau.

Về nội dung hai quyển cũng khác nhau. Trong quyển *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X - XIV*, tác giả của bản báo cáo này đã phân tích sự khủng hoảng chính trị khoảng năm 1127 ở Đại Việt và rút ra kết luận về sự chuyển giao bí mật các triều đại ở Đại Việt vào năm này³⁰. Những sử liệu Trung Quốc cũng đã viết về sự khủng hoảng này. An phu kinh lược sứ của Quảng Nam Tây lộ Phạm Thành Đại 范成大 (1126 - 1193) trong tác phẩm *Quế hải ngư hành chí* 桂海虞衡志 đã viết rằng thân thích của hoàng hậu [vợ Lý Nhân Tông] Lê Mậu 黎牟 trở thành con nuôi nhà Lý đã giết con trai [của Nhân Tông] và chiếm ngôi, chiếm họ nhà Lý. Tống Thiệu Hưng năm thứ 9 [1139] người nước ấy [Đại Việt] vẫn còn gọi họ Lý là họ cầm quyền³¹. Giả thuyết của tôi về sự chuyển giao bí mật các triều đại năm 1127 đã được sự ủng hộ của Giáo sư Đại học Moskva Đ.V. Đeopik³². Các sự kiện lịch sử trước và sau năm 1127 có trong *[Đại] Việt sử lược* cũng chứng minh rõ về sự chuyển giao bí mật này. Do đó, năm 1127 đã trở thành ranh giới giữa hai quyển chẳng phải là ngẫu nhiên.

Tác giả quyển II đã viết lịch sử của triều đình Hậu Lý Sơ (1010 - 1127) còn tác giả quyển III đã viết lịch sử triều đình Hậu Lý Mạt (1127 - 1225). Nội dung chủ yếu của *[Đại] Việt sử lược* là lịch sử hai triều đình. Sau đó hai bộ sử của hai triều đình đã được hợp nhất vào một bộ sử. Quyển I của *[Đại] Việt sử lược* phần lớn có tính chất sưu tập. Tiền Hi Tộ đã viết rằng bộ sử này từ đời Đường trở về trước, đại để là chép theo văn sử [Trung Quốc], chỉ từ Đinh Bộ Lĩnh trở xuống mới là lẽ người nước ấy³³. Quyển I chép về lịch sử Việt Nam từ thời cổ đại đến năm 1010 có thể gọi là “Ngoại kỷ”. Quyển II và quyển III có thể gọi là “Bản kỷ”. Tức là Bản kỷ *[Đại] Việt sử lược* bắt đầu từ nhà Hậu Lý Sơ. Một việc đáng lưu ý là Ngô Sĩ Liên bắt đầu *Bản kỷ* của *[Đại] Việt sử ký toàn thư* từ nhà Ngô (938 - 965). Còn các tác giả sau của bộ sử này sửa đổi từ nhà Đinh. Các sử liệu đã được viết sau cũng bắt đầu *Bản kỷ* từ nhà Đinh.

Hiện nay tôi muốn đề cập đến vấn đề sắc thái tôn giáo của [Đại] Việt sử lược bởi nó liên quan trực tiếp với vấn đề tác giả của bộ sử này.

Nếu như ta sẽ xem xét quyển II của [Đại] Việt sử lược chép những công việc chính trong chính sách tôn giáo tư tưởng trong các chương về các hoàng đế Hậu Lý Sơ thì ta sẽ thấy rõ rằng tác giả quyển II cho thấy rằng các hoàng đế ấy đều là những môn đồ nhiệt thành của Phật giáo.

Lý Thái Tổ (1010 - 1028) - vị hoàng đế đầu tiên của triều Hậu Lý Sơ khi lên nắm chính quyền đã được sư Vạn Hạnh, thầy học của hoàng đế, ngụ tại chùa Lục Tổ tiên đoán. Chịu ảnh hưởng của nền giáo dục như vậy, hoàng đế đã trở thành tín đồ kiên định của đạo Phật và đã tiến hành chính sách truyền bá tôn giáo này trong nước. Ông cho xây dựng các chùa, “độ hơn 1.000 người ở kinh sư làm tăng đạo”³⁴. Hoàng đế cũng đã tập hợp các giáo lý của đạo Phật và cử người sang Trung Hoa để lấy kinh *Tam Tạng*. Trong các biên niên sử đều ghi lại nhiều điểm kỳ lạ đã diễn ra thời ông trị vì. Về sư Vạn Hạnh, có thuyết nói rằng ông ta không chết mà là hoá thân. Điều đó phù hợp với giáo lý đạo Phật về sự biến đổi, về cái gọi là *ngiệp* (*Karma*)³⁵. Trong các văn bản, không hề thấy nhắc trực tiếp gì về Khổng Tử và Nho giáo. Tước hiệu dài dòng và bay bướm do các quan tôn xưng cho hoàng đế vào lễ đăng quang có chứa đựng một số yếu tố đặc trưng Nho giáo. Trên thực tế, những tước hiệu này về sau tất cả các hoàng đế nhà Hậu Lý đều có và bản thân các tước hiệu đó hoàn toàn đối lập với các chuẩn mực và khái niệm Nho giáo. Các nhà sử học Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên trong các lời bình của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng đã phê phán hệ thống tước hiệu của các hoàng đế cả hai nhà Lý³⁶ trong việc sử dụng thái quá những yếu tố riêng biệt của nó. Hai ông giải thích những sai lầm tương tự là do hoàng đế và các quan không hiểu những quy định của Nho giáo và coi những tước hiệu này đơn giản chỉ là sự phô trương. Biện minh cho sự phê phán của mình, Ngô Sĩ Liên đã dẫn một đoạn trong *Kinh thư* nói rằng 10 chữ trong tôn hiệu của hoàng đế cũng đã là quá nhiều. Tước hiệu của quý tộc Việt Nam và tên gọi các chức quan về hình thức thì giống của Trung Quốc nhưng lại có nội dung khác, do đó người Trung Quốc không thể hiểu được. Chính các sứ giả Trung Quốc sang thăm Việt Nam cũng đã nhận xét như vậy.

Lý Thái Tông (1028 - 1054), người đã ấn định từ trước³⁷ nối nghiệp vị tiền bối của mình và tiếp tục bảo trợ Phật giáo và Đạo giáo. Tác giả quyển II trong chương về hoàng đế này nói đến việc tìm thấy các linh tích của Phật giáo, các tượng Phật cổ, qua đó nhấn mạnh sự lâu đời của Phật giáo ở Việt Nam. Trong quyển II, lần đầu tiên và lần duy nhất nhắc đến Nho giáo trong một trường hợp như sau: ở chùa xảy ra một điều dị thường không những không hề liên quan đến Nho giáo, mà như mọi điềm kỳ lạ khác, còn là xa lạ với tinh thần đạo Khổng, vậy mà hoàng đế sai nho thần làm một bài phú để ghi lại việc ấy³⁸. Như vậy, điều quái lạ trong đền thờ Phật được đặt lên hàng đầu còn vị nho thần chỉ được nhắc đến thoáng

qua, ý nghĩa sự có mặt của ông ta bị hạ thấp và ngay cả bản thân sự giao việc cũng sẽ bị phản đối nếu đó là một tín đồ Nho giáo thực thụ. Điều đó cho thấy dường như có sự trọng Phật bài Nho. Bên cạnh đó, Thái Tông cũng đã tổ chức các buổi lễ cầu tự ở các đền chùa Phật giáo.

Lý Thánh Tông (1054 - 1072) được gán ghép những yếu tố thần linh xung quanh việc ra đời của ông. Trong các sử liệu chép truyền thuyết mang đậm tinh thần Phật giáo về việc thụ thai trình bạch kỳ lạ của mẹ ông (bà mộng thấy mặt trắng vào bụng), rồi có mang, sinh ra ông³⁹. Trên khắp đất nước, chùa tháp được tiếp tục xây dựng, trong số đó lần đầu tiên một bảo tháp gồm 30 tầng đã được xây dựng (năm 1057). Theo lệnh của hoàng đế, một chùa được lập ở Ba Sơn để làm lễ cầu tự⁴⁰. Trong cung hoàng đế có đặt các tượng La Hán, Balamôn, Thích-ca Mâu-ni⁴¹. Thông tin nhắc tới việc dựng tượng Balamôn trong các biên niên sử chứng tỏ có sự truyền bá nhất định Ấn Độ giáo ở Đại Việt. Sự truyền bá này diễn ra dưới ảnh hưởng của các quốc gia láng giềng theo Ấn giáo trên bán đảo Đông Dương. Trong cung đình, âm nhạc của người Chăm được ham chuộng, đích thân hoàng đế phiên dịch các nhạc khúc này. Cần lưu ý đây là loại âm nhạc hoàn toàn không phù hợp với lễ phục phong kiến Nho giáo Trung Hoa. Sự sùng bái Phật giáo của hoàng đế còn được phản ánh trong sử liệu với việc đích thân ông ngự viết một chữ “Phật” lớn (dài một trượng sáu thước).

Trong chương về Lý Nhân Tông (1072 - 1127), ta có thể thấy rằng Phật giáo đặc biệt được sùng bái. Như sau khi Nhân Tông lên ngôi đã có cuộc đón rước long trọng tượng Phật ở chùa Pháp Vân về kinh sư để cầu cúng. Nhân Tông cũng như các tiên đế, đã sai sứ sang Trung Quốc xin kinh Phật (như kinh *Đại Tạng*). Việc thường xuyên xin kinh Phật đem về nước cũng chứng tỏ rằng, kinh Phật còn được sử dụng ngay cả trong việc đào tạo tầng lớp sư sãi và quan lại tương lai. Đối với việc tuyển lựa quan lại trong số những người có học thì có một thông tin lý thú vào năm 1072 như sau: “Xuống chiếu chọn các sư có thơ đem dâng và các người biết văn tự trong tăng quan cho thuộc vào ngạch thư gia, để bổ vào các chức khuyết ấy”⁴².

Ngược lại, Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* lần đầu tiên viết về sự phát triển Nho giáo ở Đại Việt vào nửa cuối thế kỷ XI. Chẳng hạn Ngô Sĩ Liên cho biết vào năm 1070, “làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây”⁴³. Vào năm 1075, “xuống chiếu tuyển Minh kinh bác học và Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh trúng tuyển, cho vào hầu vua học”⁴⁴. Năm 1076, “chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc Tử Giám”. Năm 1077, “thi lại viên bằng phép viết chữ, phép tính và hình luật”⁴⁵. Năm 1086, “thi người có văn học trong nước, sung làm quan ở Hàn lâm viện, Mạc Hiến Tích trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm học sỹ”⁴⁶.

Bộ biên niên sử nổi tiếng này có uy tín đến nỗi không ai suy nghĩ xem tại sao nguồn sử liệu này đầu tiên và duy nhất cho đến lúc đó viết về sự phát triển Nho giáo ở Đại Việt nửa sau thế kỷ XI. Cũng như trong trường hợp với 30 quyển của *Đại Việt sử ký* có người nói còn có “rất nhiều sử liệu” khác chứng minh về thiết chế Nho giáo ở Đại Việt vào nửa cuối thế kỷ XI. Tuy nhiên, tất cả các thư tịch cổ nói đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã được viết sau và theo tác phẩm của Ngô Sĩ Liên. Việc dựng Văn Miếu, tiến hành các kỳ thi, lập Quốc Tử Giám và Hàn lâm viện vào nửa cuối thế kỷ XI không thể tiến hành dồn dập trên một mảnh đất trống. Để làm những việc đó cần phải có một số lượng quan lại Nho giáo nhất định và phải có người đứng ra thực hiện việc cúng lễ Khổng Tử ở Văn Miếu, điều hành việc thi cử và sắp đặt biên chế Hàn lâm viện. Tất cả những tiên đề cần thiết đó hoàn toàn không thấy có trong các bộ sử biên niên, kể cả bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên trong giai đoạn này. Rất có khả năng ở Đại Việt thời ấy còn có những tàn tích của đền thờ Khổng Tử cũ, đã được xây dựng thời Bắc thuộc. Việc xây dựng Văn Miếu, tiến hành các kỳ thi và xây dựng trường học Nho giáo, Hàn lâm viện vào thời kỳ này có thể là sự ngẫu tạo. Nhà nho Ngô Sĩ Liên có thể đã đẩy các sự kiện này lên thời gian sớm hơn là trong thực tế. Động cơ của sự cải đổi này có thể là xuất phát từ ý thức tự tôn dân tộc. Tác giả muốn chứng minh rằng Đại Việt ngay từ đầu thời kỳ phục hưng của mình đã là một quốc gia văn hiến theo chuẩn mực của Nho giáo. Trên thực tế, quyển II của [Đại] Việt sử lược không đưa tin gì về Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hàn lâm viện và khoa thi nửa cuối thế kỷ XI. Từ đây, có thể rút kết luận rằng quyển II đã được viết theo truyền thống Phật giáo và tác giả của nó là môn đồ tôn giáo này.

Tiếp theo, sắc thái tôn giáo của quyển III cũng sẽ xem xét qua bốn chương về các hoàng đế triều Hậu Lý Mạt.

Lý Thần Tông (1127 - 1138). Chương này về khối lượng tương đối ít vì thời gian cai trị của hoàng đế này cũng ngắn. Vì thế cho nên ở đây chưa đủ tài liệu để kết luận về sắc thái tôn giáo của nó.

Lý Anh Tông (1138 - 1175). Lần đầu tiên trong bộ sử [Đại]Việt sử lược hiện ra những tư liệu về Nho giáo. Năm 1156 có ghi chép: “xây ... đền thờ Khổng Tử”⁴⁷ và đến mùa thu năm 1165: “thi học sinh”⁴⁸. Vào năm 1152, “Tháng 9, xây đàn Hoàn Khâu ở cửa Nam thành để làm nơi tế trời”⁴⁹. Hoàng đế Lý Anh Tông nói như một nhà nho với con của mình là Bảo Quốc Vương rằng: “Làm con mà không kính trọng cha mẹ, thì làm vua yêu dân được hay sao?”⁵⁰.

Dưới triều Lý Cao Tông (1175 - 1210), lần đầu tiên ta có thể thấy những thông tin phê phán các sư sãi. Năm 1198, Liệt hầu Đàm Dĩ Mông nói với hoàng đế Lý Cao Tông rằng: “Đương nay, số tăng đồ và số dịch phu ngang nhau. Chúng tự kết bè lũ, lập càn người chủ, tụ họp ở từng bọn, làm nhiều điều ô uế. Hoặc ở nơi

giới trưởng, tịnh xá mà công nhiên rượu thịt, hoặc ở chốn tăng phòng tĩnh viện mà riêng tư gian dâm. Ngày ăn tối ra như đàn cáo chuột. Chúng làm bại tục thương giáo, dần dần thành thói quen, nếu không cấm đi, để lâu tất ngày càng thêm tệ". Vua y lời tâu của Dĩ Mông. Dĩ Mông triệu tập tăng đồ trong xứ lại ở nơi kho thóc, độ vài chục người có danh tiếng làm tăng, số còn lại đánh dấu vào tay bắt hoàn tục."⁵¹. Ở đây có một việc đáng lưu ý là nhà nho Đàm Dĩ Mông phê phán các sư sãi vi phạm quy luật Phật giáo, chứ không phải phê phán Phật giáo nói chung. Tuy rằng trong thực tế Đàm Dĩ Mông đã cố gắng hạn chế ảnh hưởng các sư sãi và Phật giáo nói chung. Điều đó cũng chứng minh về bá quyền lãnh đạo của Phật giáo trong đời sống tư tưởng của xã hội Đại Việt thời ấy và các nhà nho chỉ mới bắt đầu chiếm vị trí ưu thế trong chính quyền nhà nước.

Tác giả quyển III trong chương này viết rất tỷ mỉ về những hành động của Thái phó Tô Hiến Thành. Ông trở thành tấm gương xuất sắc của đạo đức Nho giáo. Hoàng đế Lý Cao Tông lên ngôi mới 2 tuổi, chính sự giao cho Hiến Thành. Thái hậu có âm mưu phế đế, nên cố gắng mua chuộc ông. Tác giả quyển III chuyển những lời phát biểu của Hiến Thành về việc ấy như sau: "Ta ở ngôi tể tướng, chịu lời cố thác của tiên vương để phò ấu chúa. Nay nhận của đứt của người mà mưu phế lập, thiên hạ sẽ nói ta ra sao? Ví thử như mọi người đều là người bung tai bịt mắt không biết gì, thời ta lấy lời nào mà bắm với Tiên vương ở dưới suối vàng được?"⁵². "Bất nghĩa mà được giàu sang, đó không phải là điều người trung thần nghĩa sỹ vui làm. Huống hồ di chúc của Tiên vương, lời nói còn vang vọng bên tai thì đối với công nghị sẽ ra làm sao? Thần không dám phụng chiếu"⁵³. Khi Hiến Thành bị bệnh, tham tri chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm chăm sóc cho ông. Giám nghị đại phu Trần Trung Tá vì nhiều công việc bận, không có thì giờ rồi tới thăm ông được. Thái hậu hỏi Hiến Thành ai có thể thay ông. Hiến Thành trả lời: "Thái hậu hỏi ai có thể thay thân mới nói đến Trung Tá, nếu như người hỏi người hầu hạ phụng dưỡng, thì phi Tán Đường còn ai nữa?"⁵⁴. Bên cạnh đó, trong chương này cũng xuất hiện ngụ ngôn nhạo báng về một nhà sư người xứ Tây Vực mà nói rằng biết giáng hồ⁵⁵. Ngoài ra, tác giả quyển III cũng vài lần nói đến thi học sinh về các môn chép ra thơ của cổ nhân, làm toán, thơ phú, kinh nghĩa, cho đồ cập đệ, xuất thân.

Trong chương về Lý Huệ Tông (1210 - 1225), tác giả để những lời vào miệng của hoàng đế này và đại diện họ Trần - Trần Thủ Độ mà biện bạch sự xâm chiếm chính quyền bằng dẫn chứng xuất xứ những hành động của các hoàng đế cổ Trung Quốc. Nhìn chung, trong chương này tin tức về sắc thái tôn giáo không nhiều. Nội dung chủ yếu của nó là cuộc đấu tranh vì ngôi hoàng đế.

Tất cả các vua của hai triều Lý đều sùng bái đạo Phật, về điểm này chính Ngô Sĩ Liên khi viết về cải tạo Nho giáo, đã phê phán các vua Lý trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhà sử học này cũng nhắc lại ý kiến của Lê Văn Hưu trong *Đại Việt sử*

kỷ (1272) phê phán vấn đề trên của các vua Lý. Tuy nhiên, trong quyển III của [Đại] Việt sử lược có thể thấy sắc thái Nho giáo.

Nhà sử học Nga P.V. Pozner tán thành giả thuyết của tôi về hai tác giả khác nhau của hai phần [Đại] Việt sử lược. Tuy nhiên ông khẳng định một cách dứt khoát rằng tác giả của quyển I và quyển II là Đỗ Thiện còn quyển III là Trần Chu Phổ⁵⁶. Ngoài ra ông cho rằng Trần Chu Phổ không phải là nhà nho, mà là người theo Phật giáo. Tôi cho rằng Trần Chu Phổ là nhà nho bởi Trần Phổ đỗ đệ tam giáp khoa thi Thái học sinh năm 1232 đời Trần Thái Tông.

Trên cơ sở nói trên có thể kết luận như sau

[Đại] Việt sử lược là một bộ sử xưa nhất Việt Nam còn đến thời gian chúng ta, đồng thời là một bộ sử duy nhất mà đến thời gian chúng ta đã được viết ở Đại Việt trước Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên. Vì thế cho nên [Đại] Việt sử lược là một nguồn sử liệu rất quý, đã ghi chép nhiều sự kiện không có trong bộ sử của Ngô Sĩ Liên và các bộ sử viết theo. Ngược lại [Đại] Việt sử lược không chép những sự kiện không đáng tin mà Ngô Sĩ Liên chép được (như việc lập những quy chế Nho giáo vào nửa cuối thế kỷ XI).

[Đại] Việt sử lược (quyển II) là một bộ sử Việt Nam duy nhất mà giữ gìn được truyền thống Phật giáo viết sử (tôi không nói đến những tác phẩm văn học Phật giáo như Việt điện u linh của Lý Tế Xuyên).

[Đại] Việt sử lược không thể do một người viết. Quyển I có tính chất sưu tập. Quyển II và quyển III không đồng tình với nhau. Quyển II đã được viết theo nguyên tắc Phật giáo còn quyển III được viết theo nguyên tắc Nho giáo.

Phương pháp nghiên cứu bằng cách so sánh văn bản [Đại] Việt sử lược với các sử liệu Việt Nam và Trung Quốc khác có thể làm rõ thêm những sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Phương pháp này cũng đã cho phép phát hiện ra sự chuyển giao bí mật các triều đại ở Đại Việt vào đầu thế kỷ XII. Trên cơ sở đó có thể kết luận rằng tác giả quyển II đã viết về lịch sử Hậu Lý Sơ còn tác giả quyển III đã viết về lịch sử Hậu Lý Mạt và [Đại] Việt sử lược là bộ sử của cả hai triều đình

Khối lượng tin tức phong phú cuối quyển II và III cho phép đoán rằng hai tác giả của nó đều là người chứng kiến những sự kiện lịch sử thời ấy. Tức là quyển II, đã được viết vào một phần tư thứ hai thế kỷ XII, còn quyển III đã được viết vào phần tư thứ hai thế kỷ XIII.

Vấn đề về các tác giả hai quyển thuộc bộ sử này khá phức tạp. Chỉ có thể nói chắc chắn rằng bộ sử này không phải do một người viết. Chúng tôi chưa đủ tài liệu để đưa ra kết luận cuối cùng. Qua Việt điện u linh của Lý Tế Xuyên và An Nam chí lược của Lê Trắc, chúng tôi biết hai tên nhà sử học - những người có khả năng viết hai bộ sử này trong các giai đoạn đó là Đỗ Thiện và Trần Tấn. Tuy nhiên, đó mới chỉ là khả năng mà thôi và tôi không nói chắc chắn rằng hai ông đều là tác giả

của hai bộ sử. Tôi đồng ý với GS Phan Huy Lê khi ông viết rằng: “*An Nam chí lược* của Lê Trắc nói: Lê Văn Hưu “sửa *Việt chí*” của Trần Phổ, nhưng chưa có sử liệu đáng tin cậy nào cho biết mối quan hệ giữa *Việt chí* với *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký*”⁵⁷. Tôi khẳng định rằng có một tác giả khuyết danh của quyển I và quyển II và một tác giả khuyết danh của quyển III. Phụ lục niên hiệu của những hoàng đế nhà Trần có thể được viết do bất cứ người nào sống cuối đời Trần trong đó cũng có thể do Sử Hy Nhan. Có khả năng người viết phụ lục niên hiệu đã tập hợp hai bộ sử nhà Hậu Lý Sơ và nhà Hậu Lý Mạt vào một bộ sử lấy tên là *Đại Việt sử lược*. Đồng thời cũng có khả năng tác giả quyển III đã hợp nhất cả ba quyển vào một bộ sử và người sống cuối đời Trần chỉ viết phụ lục niên hiệu. Những khác biệt giữa quyển II và quyển III cho phép chúng ta đoán định rằng chúng không bị chỉnh sửa do người khác được.

CHÚ THÍCH

- ¹ Maspero H., *Études d'histoire d'Annam, 1. La dynastie des Li Antérieures (543 - 601)*, BEFEO. 1916. Vol. 16, № 1. P. 26, tr.11.
- ² *Đại Việt sử lược*. Người dịch: Nguyễn Gia Tường, Người hiệu đính: Nguyễn Khắc Thuận, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.7.
- ³ Phan Huy Lê, “*Đại Việt sử ký toàn thư: Tác giả - Văn bản - Tác phẩm*”, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, 1983, số 3, tr.15; số 4, tr.13.
- ⁴ Phan Huy Lê, “*Khảo cứu về tác gia, văn bản, tác phẩm*” in trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
- ⁵ Phan Huy Lê, “*Khảo cứu về tác gia, văn bản, tác phẩm*” in trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.18.
- ⁶ Phan Huy Lê, “*Khảo cứu về tác gia, văn bản, tác phẩm*” in trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.16.
- ⁷ Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thuý Nga - Nguyễn Hữu Mùi, *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919*, NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr.39.
- ⁸ Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thuý Nga - Nguyễn Hữu Mùi, *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919*, sđd, tr.668.
- ⁹ Phan Huy Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.99.
- ¹⁰ Phan Huy Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.99.
- ¹¹ Phan Huy Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.296.
- ¹² Краткая история Вьета (Вьет шы лыок) (越史略), Перевод с вэньян, вступительная статья и комментарий А.Б.Полякова. М., 1980. С. 288. Tôi đã dịch văn bản bộ sử [*Đại Việt sử lược*] đã được xuất bản tại Thượng Hải năm 1936 越史略。上海 1936.

- 13 Никитин А.В. "Дайвьет шы лыок" в книжных собраниях Китая. // Традиционный Вьетнам.1993. Вып. 1. С. 30
- 14 Краткая история Вьета (Вьет шы лыок) 越史略. // Перевод с вэньяня, вступительная статья и комментарий А.Б.Полякова. М., 1980, tr.104
- 15 Lê Trắc đã viết Trần Tấn (陳晉) (Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Viện Đại học Huế, tr.237), chứ không phải Trần Phổ (陳普) như người hiệu đính [Đại] Việt sử lược Tiền Hi Tộ viết trong *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, NXB Thuận Hoá, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr.467.
- 16 Trong bản báo cáo này tôi trích Đại Việt sử lược theo bản dịch của Trần Quốc Vượng (*Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, NXB Thuận Hoá – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005).
- 17 Cadiere L., Pelliot trong Cadiere L., Pelliot P., *Première études sur les sources annamites de l'histoire d'Annam*, BEFEO, 1904. vol. 4, № 3; Maspero H. trong Maspero H., *Études d'histoire d'Annam*, 1. *La dynastie des Li Antérieures (543 - 601)*, BEFEO, 1916, Vol. 16, № 1, tr.26; Trần Quốc Vượng trong bản dịch *Việt sử lược*, các tác giả *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Trần Văn Giáp trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Hà Nội, 1970; N.I. Nikulin trong Никулин Н.И. *Вьетнамская литература X-XIX вв.* // М., 1977. С. 344 và nhiều nhà nghiên cứu khác.
- 18 *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, NXB Thuận Hoá – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr.8.
- 19 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.99.
- 20 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.338.
- 21 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.339.
- 22 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.38.
- 23 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.14.
- 24 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.15.
- 25 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.22. Chính Ngô Sĩ Liên đã viết về bộ sử này trong lời tựa *Đại Việt sử ký toàn thư*.
- 26 *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.14.
- 27 *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải. / NXB Thuận Hoá – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr.72.
- 28 Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1972, tr.54.
- 29 *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.137.
- 30 A.B. Poliakov, "Chuyển giao bí mật các triều đại ở Đại Việt vào đầu thế kỷ XII", *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ II*, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Thế giới, 2007; Pôliacốp A.B. *Sự phục hưng của nước Đại Việt, thế kỷ X-XIV*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- 31 Чжоу Цюй-фэй За хребтами вместо ответов (Лин вай дай да). 嶺外代答 Перевод с китайского, введение, комментарий и приложения М.Ю. Ульянова. // Восточная литература РАН. М. 2001, tr.421.
- 32 Деопик Д.В. История Вьетнама, часть 1. // Московский университет 1994, tr.74.

- ³³ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải. / NXB Thuận Hoá – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr.14.
- ³⁴ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.76.
- ³⁵ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.77.
- ³⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.261.
- ³⁷ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.79.
- ³⁸ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.84.
- ³⁹ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.88.
- ⁴⁰ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.93.
- ⁴¹ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.91.
- ⁴² *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.100.
- ⁴³ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.275.
- ⁴⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.277.
- ⁴⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.280.
- ⁴⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.281.
- ⁴⁷ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.148.
- ⁴⁸ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.151.
- ⁴⁹ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.147.
- ⁵⁰ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.153.
- ⁵¹ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.164.
- ⁵² *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.154.
- ⁵³ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.155.
- ⁵⁴ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.157.
- ⁵⁵ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.159-160.
- ⁵⁶ *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, sđd, tr.21-22.
- ⁵⁷ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.18.